

Số: 18/BC-THCS

Long Biên, ngày 01 tháng 8 năm 2024

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2024

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Ngọc Lâm.

2. Địa chỉ trụ sở: Số 6 ngõ 370 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

a) Sứ mạng

Tạo dựng một môi trường học tập thân thiện, an toàn, có kỷ cương, tình thương trách nhiệm, có chất lượng giáo dục cao để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, phát huy tính sáng tạo, có kỹ năng sống, biết thích ứng, phát triển tối đa phẩm chất và năng lực cá nhân, trở thành những công dân có ích cho xã hội.

b) Tầm nhìn

Trở thành một trong những trường THCS có chất lượng giáo dục nằm ở tốp đầu của quận Long Biên, đào tạo những lớp học sinh khoẻ về thể chất, mạnh về trí lực. Đồng thời, giáo dục học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống, luôn năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên, tự tin trong sự phát triển hội nhập của đất nước.

Duy trì đạt kiểm định chất lượng cấp độ 2 và phấn đấu trường THCS đạt chuẩn quốc gia mức độ I. Đến năm 2030 trường THCS Ngọc Lâm sẽ trở thành một trong những trường có chất lượng giáo dục cao của ngành giáo dục quận Long Biên nói riêng và của Thủ đô Hà Nội nói chung với quy mô 28 lớp. Là ngôi trường trong đó học sinh thực sự được "học" được cảm thấy hạnh phúc và có giá trị. Là nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn tới thành tích cao trong sự phát triển và không ngừng hoàn thiện về trí tuệ và nhân phẩm.

c) Mục tiêu của cơ sở giáo dục

Trường THCS Ngọc Lâm mong muốn đạt được mục tiêu của nền giáo dục nước nhà, phấn đấu hướng tới một xã hội học tập, có khả năng hội nhập quốc tế; đào tạo được những con người có năng lực tư duy độc lập và sáng tạo, có khả năng thích ứng, hợp tác và năng lực giải quyết vấn đề, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp, có thể lực tốt, có bản lĩnh, trung thực, ý thức làm chủ và tinh thần trách nhiệm công dân, gắn bó với lý tưởng độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và toàn cầu.

Huy động toàn bộ đội ngũ CB-GV-NV nhà trường tiếp tục thực hiện có hiệu

quả cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Mỗi thầy, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”; Giáo dục học sinh rèn luyện đạo đức, lối sống; chấp hành tốt pháp luật - kỷ cương - nề nếp, văn hóa nhà trường, ngoài xã hội và trong gia đình.

Phát triển đội ngũ CB-GV-NV vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ; tích cực đổi mới phương pháp dạy, học phù hợp và phát huy tính chủ thể đối với học sinh; luôn nêu cao ý thức và phấn đấu thực hiện tốt phong trào tự học tập, bồi dưỡng và hỗ trợ lẫn nhau trong việc phát triển chuyên môn và nhân cách nhà giáo của đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường.

Xây dựng môi trường sư phạm, văn hóa qua việc phát huy tốt phong trào thi đua xây dựng “Trường học thân thiện - học sinh tích cực” với nội dung chủ yếu: tạo khung cảnh nhà trường luôn “Xanh - Sạch - Đẹp - Văn minh - Hạnh phúc”, môi trường sư phạm lành mạnh; tạo sự đoàn kết gắn bó, tôn trọng nhau giữa các thành viên trong trường; xây dựng phương pháp dạy - học tích cực cho học sinh ở trường, ở nhà, học tập theo nhóm, tổ và tổ chức các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp để giáo dục truyền thống, rèn luyện sức khỏe, thẩm mỹ và kỹ năng sống cho học sinh.

Đổi mới công tác lãnh đạo và quản lý nhà trường; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy học và quản lý. Xây dựng kế hoạch và huy động các nguồn lực xã hội hóa giáo dục.

Tạo dựng được môi trường học tập, rèn luyện đạt chất lượng cao; xây dựng được thương hiệu nhà trường và luôn tạo được niềm tin với cấp uỷ, chính quyền nhân dân địa phương.

Tổ chức thực hiện tốt quy mô trường có 100% học sinh được học 2 buổi/ngày và đầu tư chất lượng giáo dục mũi nhọn.

##### **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục**

Trường được thành lập năm 1964 trên cơ sở trường cấp 2 Gia Lâm sau đổi thành trường PTCS Gia Lâm A vào năm 1976. Trong quá trình xây dựng và phát triển, trường được công nhận là điểm sáng của ngành giáo dục Thủ đô, liên tục trong nhiều năm liền được Sở GD&ĐT Hà Nội công nhận Tập thể lao động xuất sắc cấp Thành phố. Trường đã vinh dự được nhận Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Bằng khen của Thủ tướng và được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng III. Tháng 11 năm 2013, nhà trường được đón Bằng công nhận trường Chuẩn quốc gia của UBND Thành phố Hà Nội. Tháng 11 năm 2015 trường được đánh giá ngoài KĐCL và đạt cấp độ II. Tháng 10 năm 2018, trường được UBND TP Hà Nội công nhận lại Trường THCS đạt chuẩn Quốc gia. Tháng 12/2023 được UBND Thành phố Hà Nội công nhận Trường THCS đạt chuẩn Quốc gia lần thứ 3 mức độ I.

Với nhiều biện pháp tích cực và đồng bộ cùng với sự đoàn kết, đồng thuận, luôn giúp đỡ nhau trong mọi hoạt động của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường, mọi hoạt động đã đạt được nhiều kết quả vững chắc. Nhà trường luôn nhận được sự tin tưởng của các cấp lãnh đạo, chính quyền địa

phương, của ngành Giáo dục và Đào tạo, được cha mẹ học sinh và xã hội đồng tình ủng hộ, uy tín của nhà trường ngày được nâng lên.

#### **6. Thông tin người đại diện pháp luật**

Họ và tên: Ngô Hồng Giang. Chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ nơi làm việc: Số 6 ngõ 370 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 0912338993

Địa chỉ thư điện tử: ngohonggiang215a@gmail.com

#### **7. Tổ chức bộ máy**

a) Quyết định thành lập trường *(theo file quyết định đính kèm)*

b) Quyết định công nhận hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường *(theo file quyết định đính kèm)*

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng *(theo các file quyết định đính kèm)*

d) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục

Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện phổ cập giáo dục.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường THCS.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

e) Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục (Biểu kèm theo)

g) Họ tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục.

- Họ tên: Ngô Hồng Giang

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Số điện thoại: 0912338993

- Địa chỉ thư điện tử: ngohonggiang215a@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Số 6 ngõ 370 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Nhiệm vụ, trách nhiệm:

+ Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền.

+ Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng thi đua khen thưởng; hội đồng kỉ luật, hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; cử giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

+ Thực hiện các nhiệm vụ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cơ quan quản lý giáo dục; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên; động viên và tạo điều kiện cho giáo viên và nhân viên tham gia các hoạt động đổi mới giáo dục; thực hiện đánh giá, xếp loại giáo viên, nhân viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển, sắp xếp giáo viên; tổ chức các bước giới thiệu nhân sự đề nghị cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phó hiệu trưởng.

+ Quản lý, tiếp nhận học sinh, cho phép học sinh chuyển trường; quyết định kỉ luật, khen thưởng HS; phê duyệt kết quả đánh giá học sinh, danh sách học sinh lên lớp, lưu ban; tổ chức kiểm tra công nhận việc xét tốt nghiệp THCS cho HS.

+ Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp THCS theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của UBND thành phố. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn SGK sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ GD&ĐT.

+ Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

+ Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

+ Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

+ Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của Pháp luật.

#### 8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển nhà trường (Kế hoạch số 79/KH-THCS ngày 20/9/2021 của trường THCS Ngọc Lâm giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030).

- Bộ Quy chế dân chủ trong nhà trường.

- Các nghị quyết của hội đồng trường.

- Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế thi đua khen thưởng, Quy chế quản lý tài chính, tài sản...

## II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm

| VỊ TRÍ VIỆC LÀM  |                    | Nam       | Nữ        | Biên chế  | Hợp đồng  | Đạt chuẩn |               | Trên chuẩn |               |
|------------------|--------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|---------------|------------|---------------|
|                  |                    |           |           |           |           | SL        | TL            | SL         | TL            |
| Cán bộ quản lý   | Hiệu trưởng        |           | 1         | 1         |           |           | 1             | 100%       |               |
|                  | Phó Hiệu trưởng    |           | 2         | 2         |           | 1         | 50%           | 1          | 50%           |
| Giáo viên        | Văn hóa            |           | 36        | 31        | 5         | 33        | 91.67%        | 3          | 8.3%          |
|                  | Âm nhạc            |           | 2         | 2         |           | 2         | 100%          |            |               |
|                  | Mĩ thuật           | 1         | 1         | 2         |           | 2         | 100%          |            |               |
|                  | Giáo dục thể chất  | 3         |           | 3         |           | 2         | 66.67%        | 1          | 33.33%        |
|                  | Tiếng Anh          |           | 6         | 5         | 1         | 4         | 66.67%        | 2          | 33.33%        |
|                  | Tin học            |           | 1         | 1         |           | 1         | 100%          |            |               |
| Nhân viên        | Kế toán            |           | 1         |           | 1         | 1         | 100%          |            |               |
|                  | Văn thư            |           | 1         | 1         |           | 1         | 100%          |            |               |
|                  | Thư viện           |           | 1         | 1         |           | 1         | 100%          |            |               |
|                  | Y tế               |           | 1         | 1         |           | 1         | 100%          |            |               |
|                  | Đồ dùng            |           | 1         |           | 1         | 1         | 100%          |            |               |
|                  | Bảo vệ             | 4         |           |           | 4         | 4         | 100%          |            |               |
|                  | Lao công, giám thị | 3         | 1         |           | 4         | 4         | 100%          |            |               |
| <b>Tổng cộng</b> |                    | <b>11</b> | <b>55</b> | <b>50</b> | <b>16</b> | <b>57</b> | <b>86.36%</b> | <b>9</b>   | <b>13.64%</b> |

### 2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định

| XẾP LOẠI CHUẨN NGHỀ NGHIỆP | Tốt |        | Khá |        | Không đánh giá |       |
|----------------------------|-----|--------|-----|--------|----------------|-------|
|                            | SL  | Tỷ lệ  | SL  | Tỷ lệ  | SL             | Tỷ lệ |
| Cán bộ quản lý             | 3   | 100%   |     |        |                |       |
| Giáo viên                  | 20  | 43.48% | 26  | 56.52% |                |       |

**3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định**

| BỒI DƯỠNG HÀNG NĂM | Hoàn thành |       | Không hoàn thành |       |
|--------------------|------------|-------|------------------|-------|
|                    | Số lượng   | Tỷ lệ | Số lượng         | Tỷ lệ |
| Cán bộ quản lý     | 3          | 100%  | /                | /     |
| Giáo viên          | 50         | 100%  | /                | /     |
| Nhân viên          | 5          | 100%  | /                | /     |

**III. CƠ SỞ VẬT CHẤT**

|            | Nội dung  | Số lượng              | Bình quân                   |
|------------|---|-----------------------|-----------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Số phòng học</b>   |                       | Số m <sup>2</sup> /học sinh |
| <b>II</b>  | <b>Loại phòng học</b>   |                       | -                           |
| 1          | Phòng học kiên cố   | 28                    | 1.8                         |
| 2          | Phòng học bán kiên cố   | 0                     | -                           |
| 3          | Phòng học tạm   | 0                     | -                           |
| 4          | Phòng học nhờ   | 0                     | -                           |
| 5          | Số phòng học bộ môn   | 11                    | 0                           |
| 6          | Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)                            | 1                     | -                           |
| 7          | Bình quân lớp/phòng học   | 1.2                   | -                           |
| 8          | Bình quân học sinh/lớp  | 48                    | -                           |
| <b>III</b> | <b>Số điểm trường</b>   | 1                     | -                           |
| <b>IV</b>  | <b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>                                    | 4957(m <sup>2</sup> ) |                             |
| <b>V</b>   | <b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>                         | 2300(m <sup>2</sup> ) |                             |
| <b>VI</b>  | <b>Tổng diện tích các phòng</b>   |                       |                             |
| 1          | Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )   | 1242(m <sup>2</sup> ) |                             |
| 2          | Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )                                    | 304 (m <sup>2</sup> ) |                             |
| 3          | Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )                                      | 96 (m <sup>2</sup> )  |                             |
| 3          | Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )  | 122 (m <sup>2</sup> ) |                             |
| 4          | Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> ) | 280(m <sup>2</sup> )  |                             |
| 5          | Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m <sup>2</sup> )        | 200 (m <sup>2</sup> ) |                             |
| <b>VII</b> | <b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>                     |                       | Số bộ/lớp                   |
| 1          | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định                        |                       | <b>8</b>                    |
| 1.1        | Khối lớp 6  |                       | <b>2</b>                    |
| 1.2        | Khối lớp 7  |                       | <b>2</b>                    |
| 1.3        | Khối lớp 8  |                       | <b>2</b>                    |
| 1.4        | Khối lớp 9  |                       | <b>2</b>                    |
| 2          | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định                    |                       | <b>0</b>                    |

|      |  |       |                   |
|------|--|-------|-------------------|
| 2.1  | Khối lớp 6   |       | 0                 |
| 2.2  | Khối lớp 7   |       | 0                 |
| 2.3  | Khối lớp 8   |       | 0                 |
|      | Khối lớp 9   |       | 0                 |
|      | Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)                          |       |                   |
| VIII | <b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập</b><br>(Đơn vị tính: bộ) | 98 bộ | Số học sinh/bộ 01 |
| IX   | <b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>   |       | Số thiết bị/lớp   |
| 1    | Ti vi  | 21    |                   |
| 2    | Cát xét  | 0     |                   |
| 3    | Đầu Video/đầu đĩa  | 0     |                   |
| 4    | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể   | 16    |                   |
| 5    | Thiết bị khác...   | 2     |                   |

|    |          |                            |
|----|----------|----------------------------|
|    | Nội dung | Số lượng (m <sup>2</sup> ) |
| X  | Nhà bếp  | Không                      |
| XI | Nhà ăn   | 280m <sup>2</sup>          |

|      |                                 |  |        |                         |
|------|---------------------------------|--|--------|-------------------------|
|      | Nội dung                        | Số lượng phòng, tổng diện tích (m <sup>2</sup> ) | Số chỗ | Diện tích bình quân/chỗ |
| XII  | Phòng nghỉ cho học sinh bán trú | 18 phòng (2808m <sup>2</sup> )                   | 600    | 4.68                    |
| XIII | Khu nội trú                     |  |        |                         |

|     |                         |                    |                   |        |                             |        |
|-----|-------------------------|--------------------|-------------------|--------|-----------------------------|--------|
| XIV | Nhà vệ sinh             | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh |        | Số m <sup>2</sup> /học sinh |        |
|     |                         |                    | Chung             | Nam/Nữ | Chung                       | Nam/Nữ |
| 1   | Đạt chuẩn vệ sinh*      | 4                  | 0                 | 10/10  | 0                           | 0.7    |
| 2   | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* |                    |                   |        |                             |        |

*QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu*

|       |  |    |       |
|-------|--|----|-------|
|       | Nội dung                                     | Có | Không |
| XV    | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh             | x  |       |
| XVI   | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)           | x  |       |
| XVII  | Kết nối internet (ADSL)                      | x  |       |
| XVIII | Trang thông tin điện tử (website) của trường | x  |       |
| XIX   | Tường rào xây                                | x  |       |

**\* Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:**

- Danh mục sách giáo khoa lớp 6 sử dụng trong nhà trường từ năm học 2021-2022 theo Quyết định 1814/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND Thành phố Hà Nội về việc ban hành Quyết định phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2021-2022 trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Danh mục sách giáo khoa lớp 7 sử dụng trong nhà trường từ năm học

2022-2023 theo Quyết định 1706/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp định tiêu chí lựa chọn sách giáo khoa lớp 7, lớp 10 trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Danh mục sách giáo khoa lớp 8 sử dụng trong nhà trường từ năm học 2023-2024 theo QĐ số 2572/QĐ-UBND ngày 04/5/2023 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 8, lớp 11 và sách giáo khoa môn Lịch sử lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

- Danh mục sách giáo khoa lớp 9 sử dụng trong nhà trường từ năm học 2024-2025 theo Quyết định số 3118/QĐ-UBND ngày 13/6/2024 của UBND Thành phố Hà Nội về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 9, lớp 12 của cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn thành phố Hà Nội.

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt **Mức 1:**

+ Tổng số các tiêu chí đạt: **28/28** tiêu chí, đạt tỷ lệ= **100%**

+ Tổng các tiêu chí không đạt: **0/28= 0%**

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt **Mức 2:**

+ Tổng số các tiêu chí đạt: **28/28** tiêu chí, đạt tỷ lệ = **100%**

+ Tổng các tiêu chí không đạt: **0/28 = 0%**

- Số lượng và tỉ lệ % các tiêu chí đạt và không đạt **Mức 3:**

+ Tổng số các tiêu chí đạt: **19/20** tiêu chí, đạt tỷ lệ= **95%**

+ Tổng các tiêu chí không đạt: **01/20 = 5%**

Căn cứ vào cấp độ kết quả kiểm định chất lượng giáo dục theo điều 31 Quy định về quy trình và chu kì kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục phổ thông ban hành theo Thông tư 18 ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT, nhà trường đã đạt được **Mức độ 2**. (Quyết định số 2924/QĐ-SGDĐT ngày 22/12/2023 của Sở GD&ĐT thành phố Hà Nội v/v cấp Chứng nhận trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục năm 2023).

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

##### 1. Kết quả tuyển sinh

- Chỉ tiêu được giao năm học 2023 - 2024: 382 học sinh/8 lớp.

- Kết quả tuyển sinh thực tế: 382 học sinh/8 lớp.

##### 2. Quy mô trường, lớp, học sinh

| Khối lớp         | Tổng số lớp | Tổng số học sinh | Nữ         | Số HS học 2 buổi /ngày | Số HS DT/nữ | Số HSKT học hòa nhập | Số học sinh chuyển đi | Số học sinh chuyển đến |
|------------------|-------------|------------------|------------|------------------------|-------------|----------------------|-----------------------|------------------------|
| Khối 6           | 8           | 382              | 160        | 382                    | 0           |                      | 9                     | 13                     |
| Khối 7           | 7           | 321              | 137        | 321                    | 6/2         | 2                    | 1                     | 3                      |
| Khối 8           | 6           | 307              | 137        |                        | 6/1         |                      | 9                     | 4                      |
| Khối 9           | 6           | 326              | 159        |                        | 5/3         | 2                    | 1                     | 0                      |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>27</b>   | <b>1336</b>      | <b>593</b> | <b>703</b>             | <b>17/6</b> | <b>4</b>             | <b>20</b>             | <b>20</b>              |



|                           |     |       |     |       |    |      |   |   |     |       |    |      |   |   |   |   |
|---------------------------|-----|-------|-----|-------|----|------|---|---|-----|-------|----|------|---|---|---|---|
| 2022-2023<br>(Khối 6,7)   | 241 | 77.49 | 64  | 20.58 | 6  | 1.93 | 0 | 0 | 310 | 99.68 | 1  | 0.32 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2023-2024<br>(Khối 6,7,8) | 758 | 75.2  | 221 | 21.92 | 29 | 2.88 | 0 | 0 | 999 | 99.11 | 11 | 1.09 | 0 | 0 | 0 | 0 |

- **Chất lượng mũi nhọn:** Kết quả học sinh giỏi các môn văn hóa, khoa học IJSO, TDTT, sân chơi trí tuệ,... các cấp:

| Năm học   | Tổng số giải | Tổng số giải cấp Quận | Tổng số giải cấp TP | Tổng số giải cấp Quốc gia | Tổng số giải cấp Quốc tế |
|-----------|--------------|-----------------------|---------------------|---------------------------|--------------------------|
| 2022-2023 | 124          | 50                    | 19                  | 12                        | 43                       |
| 2023-2024 | 153          | 45                    | 16                  | 5                         | 87                       |

- **Các hoạt động văn hóa, TDTT:**

+ Cuộc thi Sáng tạo Thanh thiếu niên nhi đồng: 01 giải KK cấp Thành phố (5 HS); 01 giải Nhất cấp Toàn quốc (01 HS)

+ HKPD cấp Quận: 11 giải gồm 3 giải Nhất, 3 giải Nhì, 5 giải Ba.

+ HKPD cấp Thành phố: 4 HCB (môn Bơi: 02, cờ vua: 01, bóng đá: 01)

+ Cuộc thi sân chơi trí tuệ cấp Quốc gia, Quốc tế: 87 giải trong đó:

4 HC Vàng, 9 HC Bạc, 28 HC Đồng, 11 giải Xuất sắc, 20 giải Giỏi, 6 giải Khá, 8 giải KK, 1 giải A thành tích cao ở các cuộc thi giải Toán AMC, AMC8, AIMO, AMO, TIMO, PhIMO, Bebras, ASMO, ASMOPSS, ICT.

+ Liên hoan Dân ca hợp xướng cấp Thành phố: 01HS đạt giải Nhất.

+ Giải khiêu vũ thể thao Quốc gia: 4 Huy chương gồm 1 HCB và 3 HCB, Cấp Quốc tế: 6 Huy chương Đồng.

+ Hội thi chào mừng 20 năm thành lập quận: 1 giải Nhất Đồng diễn trống kèn, 1 giải Nhất dân vũ, 1 giải Ba Tôi yêu Long Biên.

+ Tổ chức sân chơi Biệt đội Khoa học Ismart cấp trường, tham dự liên trường trong quận, có 3 HS đạt giải: 02 Á khoa 1, 01 Á khoa 2.

+ Danh hiệu Người con hiếu thảo cấp Thành phố năm 2023: 01 HS.

+ Hội thi dân vũ, nhảy hiện đại "My style" tại ngày hội Thanh thiếu nhi Long Biên: Đạt 01 giải Nhì.

- **Kết quả thi vào lớp 10 THPT công lập trong 2 năm học:**

| Năm học   | Tổng số HS khối 9 | Tỷ lệ Tốt nghiệp | Tỷ lệ đỗ vào các trường THPT công lập | Ghi chú |
|-----------|-------------------|------------------|---------------------------------------|---------|
| 2022-2023 | 365               | 100%             | 96.95%                                |         |
| 2023-2024 | 326               | 100%             | 99.64%                                |         |

+ Xếp loại Tốt nghiệp năm học 2023-2024: 326/326 học sinh được công nhận tốt nghiệp: Tốt nghiệp loại giỏi: 226 em chiếm 69,3%; Tốt nghiệp loại khá: 77 em chiếm 23.6%; Tốt nghiệp loại trung bình: 23 em chiếm 7.1%.

\* **Hoạt động thư viện trường học-xếp loại:** Thư viện đạt mức 2.

\* **Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân đề nghị:**

- **Tập thể:**

+ Bằng khen của Bộ GD&ĐT.

+ Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố.

+ Cờ thi đua của LĐLĐ TP Hà Nội.

- + Tập thể lao động xuất sắc cấp Thành phố.
- + Trường Tiên tiến xuất sắc về TĐTT cấp Thành phố.

**- Cá nhân:**

- + 01 Bằng khen của Bộ GD&ĐT.
- + 01 Bằng khen của LĐLĐ cấp Thành phố.
- + 10 chiến sỹ thi đua cấp cơ sở.
- + CB-GV-NV đạt danh hiệu lao động tiên tiến: 52/52 đ/c đạt 100%.

## **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (Kèm theo phụ lục)**

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

3. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

## **VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

\* *Thực hiện Chương trình 03 của Quận ủy: Kết quả triển khai xây dựng trường học Sáng- Xanh- Sạch- Đẹp- Văn minh:*

- Nhà trường ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo và xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện trường học “Sáng- Xanh- Sạch- Đẹp- Văn minh” năm học 2023-2024 bằng những việc làm cụ thể: Trang trí khung cảnh sư phạm đảm bảo nhà trường luôn sáng-xanh-sạch-đẹp- văn minh. Bổ sung nội quy, quy chế ngay từ đầu năm học để đảm bảo thực hiện tốt trật tự văn minh công sở, văn minh đô thị.

- Tổ chức cho 100% CB, GV, NV, CMHS và HS của trường ký cam kết và thực hiện nghiêm túc TTVMĐT trong nhà trường.

\* *Công tác giáo dục nếp sống thanh lịch, văn minh cho học sinh;*

- 100% giáo viên chủ nhiệm dạy đủ tài liệu giáo dục nếp sống thanh lịch văn minh của người Hà Nội theo đúng chỉ đạo của Sở giáo dục, phòng Giáo dục và Đào tạo quận, 100% học sinh được học tài liệu giáo dục nếp sống thanh lịch văn minh.

+ Kết quả: Học sinh có thêm kiến thức hiểu biết, có kỹ năng giao tiếp ứng xử có văn hóa, thực hiện tốt quy định nhà trường, học sinh đoàn kết thân thiện góp phần xây dựng “Trường học thân thiện- học sinh tích cực”; “Nhà trường văn hóa - nhà giáo mẫu mực- học sinh thanh lịch”.

\* *Công tác giáo dục kỹ năng sống, công tác phòng chống tai nạn thương tích,*

*an ninh trường học:*

- Công tác giáo dục kỹ năng sống:

+ Tổ chức mời các chuyên gia về nói chuyện giáo dục đạo đức HS với những chủ đề: Lòng biết ơn, cách phòng tránh tai nạn thương tích, tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử, cách sử dụng mạng xã hội văn minh an toàn theo đúng luật, cách phòng tránh bạo lực học đường, phòng chống đuối nước, cách ứng xử với cha mẹ và thầy cô, cách lựa chọn trường THPT đúng lực học.

+ Hoạt động: “Làm bánh giầy” và các trò chơi dân gian dịp Tết Nguyên đán.

+ Tổ chức Ngày hội sách và Văn hóa đọc ngày 25/03/2024.

+ Tổ chức Lễ vinh danh báo công cho 126 HS đạt thành tích cao năm học 2023-2024 tại Văn Miếu Quốc Tử Giám ngày 12/5/2024.

- Công tác phòng chống tai nạn thương tích:

+ Ngay đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động phòng, chống tai nạn, thương tích. Có các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, phòng ngừa các bệnh học đường và bảo vệ sức khỏe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh khi đến sinh hoạt học tập tại trường.

+ Truyền thông giáo dục nâng cao nhận thức về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn, thương tích giúp cho các thành viên nhà trường và toàn thể học sinh. Công tác tuyên truyền được thực hiện thường xuyên trong năm học dưới nhiều hình thức như: góc truyền thông, tranh ảnh,...

+ Kết quả: Trong năm học nhà trường không để xảy ra trường hợp tai nạn thương tích.

- Công tác an ninh trường học:

+ Phối hợp chặt chẽ với lực lượng dân phòng, bảo vệ khu phố, công an khu vực bố trí tuần tra, kiểm soát, chốt trực trước và xung quanh khu vực cổng trường vào những giờ cao điểm, giờ tan học.

+ Xây dựng các biện pháp nhằm thực hiện công tác phòng, chống bạo lực học đường.

+ Thực hiện quy chế phối hợp với công an phường về đảm bảo an ninh trật tự trường học;

\* *Công tác y tế học đường, Chử thập đỏ:*

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, thành lập Ban chỉ đạo công tác phòng chống dịch bệnh năm học 2023-2024, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, bộ phận.

- Duy trì thường xuyên: Vệ sinh trong, ngoài lớp học, khu vực bán trú, khu vệ sinh, nguồn nước uống đảm bảo an toàn.

- Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện:

+ Tổng số CB, GV, NV tham gia: 52/52 đ/c.

+ Tổng số học sinh tham gia: 1336 học sinh.

- Kết quả thu được qua các đợt phát động, tổng số tiền: **192.203.000đ.**

| TT | Nội dung các cuộc ủng hộ                            | Số tiền    |
|----|---|------------|
| 1  | Tặng quà Học sinh có HCKK đầu năm học 2023-2024     | 15,750,000 |
| 2  | Tặng quà Học sinh có HCKK dịp Trung thu năm 2023    | 2,250,000  |
| 3  | Chi tặng thẻ BHYT cho Học sinh có HCKK trong trường | 5,103,000  |

|    |   |             |
|----|---|-------------|
| 4  | Chi tặng quà HS chính sách, HCKK dịp tết Nguyên đán | 5,400,000   |
| 5  | Thu ủng hộ quỹ Xuân Nhân ái năm 2024                | 4,681,000   |
| 6  | Ủng hộ quỹ Biển đảo năm 2024                        | 11,081,000  |
| 7  | Ủng hộ Quỹ Phòng chống thiên tai năm 2023           | 2,173,000   |
| 8  | Chi Nộp quỹ Nhân đạo phường Bồ Đề năm 2024          | 900,000     |
| 9  | Chi Hoạt động Chữ thập đỏ phường năm 2024           | 500,000     |
| 10 | Chi Ủng hộ Quỹ Hội phí Chữ thập đỏ phường năm 2024  | 1,000,000   |
| 11 | Miễn giảm tiền học các CT liên kết cho HS có HCKK   | 141,300,000 |
| 12 | Nộp quỹ Chung sức nhân đạo                          | 2,065,000   |

\* Các hoạt động về thể dục, thể thao, đoàn đội...

- Các hoạt động GD văn, thể, mỹ có chuyển biến tích cực theo hướng thực chất:

+ HKPD cấp Quận: 11 giải gồm 3 giải Nhất, 3 giải Nhì, 5 giải Ba.

+ HKPD cấp Thành phố: 4 HCD (môn Bơi: 02, cờ vua: 01, bóng đá: 01)

+ Liên hoan Dân ca hợp xướng cấp Thành phố: 01HS đạt giải Nhất.

+ Giải khiêu vũ thể thao Quốc gia: 4 Huy chương gồm 1 HCB và 3 HCD, Cấp Quốc tế: 6 Huy chương Đồng.

+ Hội thi chào mừng 20 năm thành lập quận: 1 giải Nhất Đồng diễn trống kèn, 1 giải Nhất dân vũ, 1 giải Ba Tôi yêu Long Biên.

+ Tổ chức sân chơi Biệt đội Khoa học Ismart cấp trường, tham dự liên trường trong quận, có 3 HS đạt giải: 02 Á khoa 1, 01 Á khoa 2.

+ Danh hiệu Người con hiếu thảo cấp Thành phố năm 2023: 01 HS.

+ Hội thi dân vũ, nhảy hiện đại “My style” tại ngày hội Thanh thiếu nhi Long Biên: Đạt 01 giải Nhì.

\* Kết quả công tác kiểm tra nội bộ trường học:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ bám sát các văn bản chỉ đạo và đủ hồ sơ theo qui định.

- Công khai kế hoạch, kết quả kiểm tra nội bộ nhà trường hàng tháng theo qui định, niêm yết tại bảng tin phòng HĐ để CB- GV- NV theo dõi và thực hiện.

- Sau mỗi lần kiểm tra, Ban KTNB họp rút kinh nghiệm đối với GV- NV được kiểm tra, nêu chỉ rõ những ưu điểm, nhược điểm, những biện pháp cần làm để khắc phục kịp thời các tồn tại sau KT.

- Công tác kiểm tra nội bộ nhà trường mang tính thúc đẩy, không hình thức, lưu đầy đủ hồ sơ, biên bản kiểm tra, kết quả kiểm tra theo từng tháng khoa học, đảm bảo thông tin công khai kịp thời trước hội đồng GD, học sinh và phụ huynh, thực hiện công tác thu chi tài chính công khai minh bạch.

\* Kết quả công tác ứng dụng CNTT, thực hiện mô hình trường học điện tử:

Đầu năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch về CNTT, chuyển đổi số, thành lập Ban chỉ đạo ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, đánh giá, theo dõi kết quả thực hiện thường xuyên, hiệu quả.

- 100% cán bộ, giáo viên nhà trường đã ứng dụng hiệu quả CNTT trong quản lý, điều hành và giảng dạy, tích cực sử dụng thiết bị dạy học.

- 100% GV nhà trường sử dụng sổ điểm, sổ học bạ, quản lý kết quả học tập và rèn luyện của HS trên phần mềm quản lý học sinh.

- Thường xuyên khai thác, cập nhật các thông tin trên cổng thông tin điện tử lớp 1, 2 của trường, quận, ngành, sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị hiện đại.

- Thực hiện hiệu quả mô hình trường học điện tử.

\* *Việc thực hiện QCDC, 3 công khai trong trường học:*

- Kết quả thực hiện Quy chế dân chủ: Nhà trường đã tổ chức, triển khai thực hiện tốt QCDC một cách đồng bộ, kịp thời. Công khai tất cả các hoạt động trong nhà trường và giải quyết thỏa đáng các ý kiến của cá nhân trong các cuộc họp hội đồng, họp tổ CM. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách theo qui định của CB-GV-NV trong năm học.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch 3 công khai theo thông tư 36 đúng quy định. Lưu đầy đủ hồ sơ theo quy định: Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện 3 công khai, Quy chế thực hiện 3 công khai, KH thực hiện 3 công khai, biên bản niêm yết công khai và kết thúc công khai, báo cáo thực hiện 3 công khai.

\* *Công tác quản lý tài chính, tài sản:*

- Hệ thống văn bản chỉ đạo các cấp: Lưu trữ văn bản chỉ đạo đầy đủ, sắp xếp khoa học.

- Công tác quản lý tài chính, tài sản, thu chi tại đơn vị thực hiện theo đúng quy định của nhà nước, dự toán chi tiêu ngân sách và quy chế chi tiêu nội bộ được nhà trường xây dựng và cấp thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện chế độ chính sách với giáo viên, người lao động đúng quy định và kịp thời.

- Hồ sơ quản lý tài sản đầy đủ, cập nhật thường xuyên theo quy định.

\* *Hoạt động thư viện trường học- xếp loại:*

+ Nhà trường đăng ký đạt Thư viện mức độ 2.

+ Nhà trường thường xuyên đầu tư mua sách tham khảo, sách nghiệp vụ phục vụ công tác dạy- học.

\* *Việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước trong CBGV, NV;*

- 100% Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường thực hiện nghiêm túc chủ trương chính sách của Đảng, Pháp luật của nhà nước. Nhà trường luôn đảm bảo đầy đủ chế độ, quyền lợi chính sách, chăm lo đời sống đối với cán bộ, giáo viên, người lao động đúng quy định và kịp thời.

- Chi bộ và BGH tổ chức tuyên truyền, học tập quán triệt các nghị quyết, văn bản chỉ đạo của Đảng, của Trung ương, Thành phố và của Ngành đến từng đảng viên, cán bộ giáo viên, công nhân viên nhà trường.

- Thực hiện nghiêm túc Bộ Quy tắc ứng xử của UBND TP, Sở GD&ĐT và nhà trường.

Số CB, GV-NV vi phạm: Không.

**Nơi nhận:**

- Website nhà trường;
- Lưu VT, hồ sơ công khai.



**Ngô Hồng Giang**



# SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

